TRƯỜNG PTDTBT THCS PHÌNH GIÀNG
(Đề chính thức gồm: 02 trang)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
Môn: Sinh học 9
Năm học: 2022 - 2023

	Nhận biết		**Thông hiểu**		**Vận dụng thấp**		**Vận dụng cao**	
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
1. Các thí nghiệm của Men đen						- Viết được sơ đồ lai từ P đến F_1		
Số câu: 1 Số điểm: 2 Tỉ lệ: 20%						1 2 20%		
2. Nhiễm sắc thể				- Trình bày ý nghĩa của nguyên phân				
Số câu: 1 Số điểm: 2 Tỉ lệ: 20%				1 2 20%				
3. AND và gen	- Kể tên các loại đơn phân của AND.		- Hiểu ADN, ARN và chức năng của chúng				- Vận dụng theo nguyên tắc bổ sung, bán bảo toàn để làm bài tập.	
Số câu: 8 Số điểm: 2 Tỉ lệ: 20%	1 0,25 2,5%		4 1 10%				3 0,75 7,5%	
4. Biến dị		- Phát biểu khái niệm						

		đột biến gen và kể được các dạng đột biến gen.						
Số câu: 1 Số điểm: 2 Tỉ lệ: 20%		1 2 20%						
5. Di truyền học người	- Nêu được thế nào là nghiên cứu phả hệ, trẻ đồng sinh. Hiểu được di truyền học tư vấn là gì.						- Giải thích tại sao phụ nữ không nên sinh con ở độ tuổi ngoài 35.	
Số câu: 4 Số điểm: 1 Tỉ lệ: 10%	3 0,75 7,5%						1 0,25 2,5%	
6. Ứng dụng di truyền học	- Nêu được ứng dụng nuôi cấy tế bào, gen, phương pháp nuôi cấy mô, công nghệ gen							
Số câu: 4 Sô điểm: 1 Tỉ lệ: 10%	4 1 10%							
Tổng câu: 19 **Tổng điểm: 10** **Tỉ lệ: 100%**	**Số câu: 9** **Số điểm: 4** **Tỉ lệ: 40%**		**Số câu: 5** **Số điểm: 3** **Tỉ lệ: 30%**		**Số câu: 1** **Số điểm: 2** **Tỉ lệ: 20%**		**Số câu: 2** **Số điểm: 1** **Tỉ lệ: 10%**	

TRƯỜNG PTDTBT THCS PHÌNH GIÀNG
(Đề chính thức gồm: 02 trang)

BẢNG ĐẶC TẢ CÁC CẤP ĐỘ TƯ DUY
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: SINH HỌC 9
Năm học: 2022 - 2023

Nội dung	Chuẩn KTKN	%	Nhận biết					Thông hiểu					Vận dụng thấp					Vận dụng cao				
			%	TN		TL		%	TN		TL		%	TN		TL		%	TN		TL	
				?	T	?	t		?	t	?	t		?	t	?	t		?	t	?	t
1. Các thí nghiệm của Men Đen	- Viết được sơ đồ lai từ P đến F_1.	20											20			1	9					
2. Nhiễm sắc thể	Trình bày được ý nghĩa của nguyên phân	20						20			1	8										
3. AND và gen	Kể tên các loại đơn phân của AND.	20	2,5	1	1																	
	- Hiểu AND, ARN và chức năng của chúng							10	4	6												
	- Vận dụng theo nguyên tắc bổ sung, bán bảo toàn để làm bài tập.																	7,5	3	4,5		
4. Biến dị	Phát biểu khái niệm đột biến gen và kể được các dạng đột biến gen.	20	20			1	8															

5. Di truyền học người	Nêu được thế nào là nghiên cứu phả hệ, trẻ đồng sinh. Hiểu được di truyền học tư vấn là gì.	10	7,5	3	3																		
	Giải thích tại sao phụ nữ không nên sinh con ở độ tuổi ngoài 35																	2,5	1	1,5			
6. Ứng dụng di truyền học	Nêu được ứng dụng nuôi cấy tế bào, gen, phương pháp nuôi cấy mô, công nghệ gen	10	10	4	4																		
Tổng		100	40	8	8	1	8	30	4	6	1	8	20			1	9	10	4	6			

TRƯỜNG PTDTBT THCS PHÌNH GIÀNG
(Đề chính thức: 02 trang)
Mã số 01
Họ và tên:……..
SBD:……..

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
Môn: Sinh học 9
Năm học: 2022 - 2023
Thời gian: 45 phút (Không kể giao đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm).

Câu 1: Đơn phân của ADN gồm 4 loại Nucleotit đó là những loại nào?
A. A, T, G, X. B. T, A, G, U. C. A, U, G, X. D. U, T, X, G.

Câu 2: Quá trình tự nhân đôi của ADN diễn ra theo nguyên tắc nào ?
A. Bổ sung. B. Giữ 1 nửa. C. Truyền đạt. D. Bổ sung và giữ lại 1 nửa.

Câu 3 : Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền?
A. m ARN. B. t ARN. C. r ARN. D. nARN.

Câu 4: Trong chu kì tế bào nguyên phân, sự nhân đôi của AND trong nhân diễn ra ở
A. kì đầu. B. kì giữa. C. kì sau. D. kì trung gian.

Câu 5: Nguyên tắc bổ sung được thể hiện trong cơ chế tự nhân đôi như thế nào ?
A. A Liên kết với T, G liên kết với X.
B. A Liên kết với U, T liên kết với A.
C. T Liên kết với U, G liên kết với X.
D. U Liên kết với X, G liên kết với T.

Câu 6: ADN với 4 loại đơn phân có tác dụng gì ?
A. Hình thành cấu trúc 2 mạch.
B. Tạo ra tính chất bổ sung giữa 2 mạch.
C. Tạo nên sự phong phú về thông tin di truyền.
D. Tạo nên sự kết cặp theo nguyên tắc bổ sung giữa 2 mạch.

Câu 7: Gen B có 5100 A^0. Số nucleotit của gen B là
A. 1200. B. 1800. C. 2400. D. 3 000.

Câu 8: Cho đoạn mạch sau: – G – T – T – T – X –

Hãy chọn đoạn mạch bổ sung với nó

A: – A – A – X – X – G – B: – T – X – X – G – T –

C: – X – A – A – A – G – D: – A – T – X – X – G –

Câu 9: Phả hệ là
A. bản ghi chép các thế hệ. B. sự ghi chép.
C. các thế hệ. D. sự sinh sản.

Câu 10 : Trẻ đồng sinh là
A. đồng sinh khác trứng có kiểu gen khác nhau.
B. những đứa trẻ cùng sinh ra ở một lần sinh.
C. một đứa trẻ cùng sinh ra ở một lần sinh.
D. hai đứa trẻ cùng sinh ra ở nhiều lần sinh.

Câu 11 : Di truyền y học tư vấn là
A. phối hợp các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán, cung cấp thông tin và cho lời khuyên về mặt di truyền.

B. mở các phòng khám và điều trị các bệnh di truyền.

C. kết hợp điều trị các bệnh tật di truyền.

D. ứng dụng các chất phóng xạ di truyền.

Câu 12: Phụ nữ không nên sinh con ở độ tuổi ngoài 35 vì

A. không lo cho con tốt mọi việc.

B. đứa con dễ bị bệnh tật di truyền.

C. chăm sóc con nhỏ ở người đứng tuổi không phù hợp.

D. khi con lớn, bố mẹ đã già không đủ sức lực để đầu tư cho con tốt.

Câu 13: Ứng dụng công nghệ gen là gì ?

A. Tạo ra các chủng vi sinh vật mới

B. Tạo giống cây trồng biến đổi gen.

C. Tạo giống vật nuôi biến đổi gen.

D. Tạo giống vật nuôi và cây trồng đa bội hóa.

Câu 14. Việc ứng dụng phương pháp nuôi cấy tế bào trên môi trường dinh dưỡng nhân tạo cho kết quả là

A. chỉ tạo được mô. C. chỉ tạo ra được cơ thể hoàn chỉnh.

B. chỉ tạo được cơ quan. D. tạo ra những mô, cơ quan hoặc cơ thể hoàn chỉnh.

Câu 15. Ý nào ***không đúng*** đối với vai trò của nhân giống vô tính trong ống nghiệm ở cây trồng?

A. Tạo ra cây trồng lớn trong thời gian ngắn. B. Tạo ra giống mới.

C. Bảo tồn 1 số nguồn gen động vật quý hiếm D.Tiết kiệm được diện tích.

Câu 16. Phương pháp nuôi cấy mô và tế bào dựa trên cơ sở tế bào học là

A. sự nhân đôi và phân li đồng đều của NST trong giảm phân.

B. sự nhân đôi và phân li đồng đều của NST trong nguyên phân.

C. sự nhân đôi và phân li đồng đều của NST trong nguyên phân và giảm phân.

D. sự nhân đôi và phân li không đồng đều của NST trong nguyên phân.

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Câu 1 (2,0 điểm). Đột biến gen là gì? Có mấy dạng đột biến gen?

Câu 2 (2,0 điểm). Em hãy trình bày ý nghĩa của nguyên phân.

Câu 3: (2,0 điểm). Ở chuột, tính trạng lông ngắn là trội hoàn toàn so với tính trạng lông dài. Khi cho chuột lông ngắn thuần chủng lai với chuột lông dài thu được F1. Lập sơ đồ lai từ P đến F_1?

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

TRƯỜNG PTDTBT THCS PHÌNH GIÀNG
(Đề chính thức: 02 trang)
Mã số 01
Họ và tên:……..
SBD:……..

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
Môn: Sinh học 9
Năm học: 2022 - 2023
Thời gian: 45 phút (Không kể giao đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm).

Câu 1: Gen B có 5100 A^0. Số nucleotit của gen B là
A. 1200. B. 1800. C. 2400. D. 3 000.

Câu 2: Cho đoạn mạch sau: – G – T – T – T – X –
Hãy chọn đoạn mạch bổ sung với nó
A: – A – A – X – X – G – B: – T – X – X – G – T –
C: – X – A – A – A – G – D: – A – T – X – X – G –

Câu 3: Phả hệ là
A. bản ghi chép các thế hệ. B. sự ghi chép.
C. các thế hệ. D. sự sinh sản.

Câu 4 : Trẻ đồng sinh là
A. đồng sinh khác trứng có kiểu gen khác nhau.
B. những đứa trẻ cùng sinh ra ở một lần sinh.
C. một đứa trẻ cùng sinh ra ở một lần sinh.
D. hai đứa trẻ cùng sinh ra ở nhiều lần sinh.

Câu 5 : Di truyền y học tư vấn là
A. phối hợp các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán, cung cấp thông tin và cho lời khuyên về mặt di truyền.
B. mở các phòng khám và điều trị các bệnh di truyền.
C. kết hợp điều trị các bệnh tật di truyền.
D. ứng dụng các chất phóng xạ di truyền.

Câu 6: Phụ nữ không nên sinh con ở độ tuổi ngoài 35 vì
A. không lo cho con tốt mọi việc.
B. đứa con dễ bị bệnh tật di truyền.
C. chăm sóc con nhỏ ở người đứng tuổi không phù hợp.
D. khi con lớn, bố mẹ đã già không đủ sức lực để đầu tư cho con tốt.

Câu 7: Đơn phân của ADN gồm 4 loại Nucleotit đó là những loại nào?
A. A, T, G, X. B. T, A, G, U. C. A, U, G, X. D. U, T, X, G.

Câu 8: Quá trình tự nhân đôi của ADN diễn ra theo nguyên tắc nào?
A. Bổ sung. B. Giữ 1 nửa. C. Truyền đạt. D. Bổ sung và giữ lại 1 nửa.

Câu 9: Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền?
A. m ARN. B. t ARN. C. r ARN. D. nARN.

Câu 10: Trong chu kì tế bào nguyên phân, sự nhân đôi của AND trong nhân diễn ra ở
A. kì đầu. B. kì giữa. C. kì sau. D. kì trung gian.

Câu 11: Nguyên tắc bổ sung được thể hiện trong cơ chế tự nhân đôi như thế nào?
A. Liên kết với T, G liên kết với X.
B. Liên kết với U, T liên kết với A.

C. Liên kết với U, G liên kết với X.

D. Liên kết với X, G liên kết với T.

Câu 12: ADN với 4 loại đơn phân có tác dụng gì?

C. Hình thành cấu trúc 2 mạch.

D. Tạo ra tính chất bổ sung giữa 2 mạch.

C. Tạo nên sự phong phú về thông tin di truyền.

D. Tạo nên sự kết cặp theo nguyên tắc bổ sung giữa 2 mạch.

Câu 13: Ý nào ***không đúng*** đối với vai trò của nhân giống vô tính trong ống nghiệm ở cây trồng?

A. Tạo ra cây trồng lớn trong thời gian ngắn. B. Tạo ra giống mới.

C. Bảo tồn 1 số nguồn gen động vật quý hiếm. D.Tiết kiệm được diện tích.

Câu 14: Phương pháp nuôi cấy mô và tế bào dựa trên cơ sở tế bào học là

A. sự nhân đôi và phân li đồng đều của NST trong giảm phân.

B. sự nhân đôi và phân li đồng đều của NST trong nguyên phân.

C. sự nhân đôi và phân li đồng đều của NST trong nguyên phân và giảm phân.

D. sự nhân đôi và phân li không đồng đều của NST trong nguyên phân.

Câu 15: Ứng dụng công nghệ gen là gì?

A. Tạo ra các chủng vi sinh vật mới

B. Tạo giống cây trồng biến đổi gen.

C. Tạo giống vật nuôi biến đổi gen.

D. Tạo giống vật nuôi và cây trồng đa bội hóa.

Câu 16: Việc ứng dụng phương pháp nuôi cấy tế bào trên môi trường dinh dưỡng nhân tạo cho kết quả là

A. chỉ tạo được mô. C. chỉ tạo ra được cơ thể hoàn chỉnh.

B. chỉ tạo được cơ quan. D. tạo ra những mô, cơ quan hoặc cơ thể hoàn chỉnh.

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Câu 1 (2,0 điểm). Đột biến gen là gì? Có mấy dạng đột biến gen?

Câu 2 (2,0 điểm). Em hãy trình bày ý nghĩa của nguyên phân.

Câu 3 (2,0 điểm). Ở chuột, tính trạng lông ngắn là trội hoàn toàn so với tính trạng lông dài. Khi cho chuột lông ngắn thuần chủng lai với chuột lông dài thu được F1. Lập sơ đồ lai từ P đến F_1?

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

TRƯỜNG PTDTBT THCS PHÌNH GIÀNG
(Đề chính thức gồm: 01 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA HỌC KÌ I
Môn: Sinh học 9
Năm học: 2022 - 2023

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm).

Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mã 1	A	D	A	D	A	C	D	C	A	B	A	B	D	D	B	B
Mã 2	D	C	A	B	A	B	A	D	A	D	A	C	B	B	D	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Câu	Nội dung	Điểm
1	- Đột biến gen: Là những biến đổi trong cấu trúc của gen liên quan tới một hoặc một số cặp Nucleotit - Có ba dạng đột biến gen: + Mất một cặp Nucleotit +Thêm một cặp Nucleotit + Thay thế một cặp Nucleotit	0,5 0,5 0,5 0,5
2	- Nguyên phân giúp cơ thể lớn lên. Khi cơ thể đã lớn tới một giới hạn thì nguyên phân vẫn tiếp tục giúp tạo ra tế bào mới thay cho tế bào già chết đi. - Nguyên phân duy trì ổn định bộ NST đặc trưng của loài qua các thế hệ tế bào. - Nguyên phân là cơ sở của sự sinh sản vô tính.	1,0 0,5 0,5
3	- Gọi A quy định tính trạng lông ngắn - Gọi a quy định tính trạng lông dài Vậy: chuột lông ngắn thuần chủng có kiểu gen là: AA Chuột lông dài có kiểu gen là: aa * Sơ đồ lai: P (T/C): Chuột lông ngắn x Chuột lông dài AA aa G_P: A a F_1: Aa Kết quả: KG là Aa KH là 100% lông ngắn	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25